

I. Đặt vấn đề

1. Tính cấp thiết phải tiến hành sáng kiến

Trong cơ chế thị trường hiện nay, sự nghiệp giáo dục và đào tạo đang phát triển theo hướng xã hội hóa và đa dạng hóa mục tiêu, chương trình, loại hình trường lớp và các loại hình giáo dục, đào tạo nhằm mục đích nâng cao trình độ dân trí của toàn thể dân cư trong xã hội. Điều này được thể hiện ở chỗ bên cạnh các trường công, đã phát triển trường bán công, trường dân lập, tư thục ở các cấp trong hệ thống giáo dục quốc dân. Do đó, nguồn tài chính trong các nhà trường, các cơ sở giáo dục bao gồm nhiều nguồn như ngân sách nhà nước, đóng góp của các doanh nghiệp, nhân dân; các loại phí, lệ phí hiện hành theo quy định như học phí, quỹ xây dựng do học sinh đóng góp; các lệ phí tuyển sinh; Các khoản thu từ các hoạt động cung ứng dịch vụ gắn với hoạt động của nhà trường, khai thác cơ sở vật chất dịch vụ do nhà trường cung cấp... Muốn tham mưu Ban giám hiệu nhà trường thực hiện tốt công tác kế toán, quản lý ngân sách, quản lý, sử dụng chứng từ kế toán, thu chi nhà trường, quản lý hồ sơ kế toán, đòi hỏi bộ phận Kế toán phải lập sổ kế toán, sổ thu, chi, sắp xếp, quản lý hồ sơ một cách khoa học, dễ tiếp cận, tra cứu.

Năm 2023, trong bối cảnh đối mặt nhiều khó khăn, thách thức do tình hình chính trị, kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, khó lường và ảnh hưởng sau đại dịch Covid-19. Song với sự quyết tâm, cố gắng, UBND huyện Vì đã bám sát các chỉ đạo của TP, quyết liệt triển khai các nhiệm vụ và đạt được các kết quả quan trọng, kinh tế trên địa bàn huyện Ba Vì tiếp tục duy trì phát triển, đạt mức tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Công tác quản lý chi ngân sách đảm bảo đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm các nhiệm vụ chi theo dự toán đã được HĐND huyện giao. An sinh và phúc lợi xã hội được đảm bảo. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội được quan tâm đầu tư phát triển, các hoạt động bảo tồn văn hóa dân tộc thiểu số trên địa bàn được nâng cao. Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá, xây dựng sản phẩm du lịch mới, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch, tăng 34,33% lượng khách so với cùng kỳ năm 2022.

Công tác xây dựng nông thôn mới và chương trình OCOP tiếp tục được chú trọng, toàn huyện hiện có 28 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên. Chất lượng giáo dục đào tạo tiếp tục được quan tâm, số lượng trường học công lập đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện đạt tỷ lệ hơn 80%. Công tác lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Ba Vì đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của UBND TP phê duyệt và được các cấp Chính quyền địa phương hết sức quan tâm, chỉ

đạo sâu sát. Hoàn thành công tác cung cấp số liệu, tài liệu phục vụ lập quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050". Trong 10 năm qua, huyện bố trí và huy động vốn thực hiện đầu tư nông thôn mới với gần 10.000 tỷ đồng để cải tạo, nâng cấp hơn 1.000km đường giao thông, 400km rãnh thoát nước ở khu dân cư; cải tạo, xây mới 230km kênh mương; xây dựng mới và cải tạo, sửa chữa nhiều trường học, các xã đều có hội trường; thôn có nhà văn hóa; có chợ; và trạm y tế xã. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng phát triển công nghiệp và thương mại, dịch vụ. Văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng cao. Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí đa chiều so với năm 2022.

Theo đó, cùng với chính quyền địa phương các cấp, Trường Tiểu học TTNC Bò và Đồng Cỏ Ba Vì, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội đã thường xuyên nâng cao nghiệp vụ cho các Tổ chuyên môn, Bộ phận Kế toán về công tác kế toán, triển khai các nhiệm vụ kế toán đảm bảo nguyên tắc tài chính, kế toán. Đồng thời đã quan tâm xây dựng cơ sở vật chất, từng bước kiện toàn đội ngũ với 39 cán bộ, viên chức, giáo viên, nhân viên; có 18 phòng học với 629 học sinh; nhà trường đã đạt chuẩn quốc gia mức độ.1 Một trong những nội dung mà các trường học quan tâm nhất đó là công tác kế toán, triển khai thực hiện lập sổ thu, chi, quản lý hồ sơ kế toán tại nhà trường hiện nay, thực tiễn cho thấy trong quá trình thực hiện quản lý ngân sách, quản lý hồ sơ kế toán còn gặp nhiều khó khăn, bất cập, phải có những biện pháp để thực hiện hiệu quả công tác kế toán, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh đó, trên địa bàn huyện Ba Vì chưa có nghiên cứu nào về giải pháp để làm tốt công tác kế toán của trường Tiểu học. Chính vì vậy, tôi lựa chọn nghiên cứu đề tài: ***“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kế toán tại Trường Tiểu học TTNC Bò và Đồng Cỏ Ba Vì, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội”***. Từ cơ sở lý luận đến phân tích thực tiễn, qua đó nâng cao hiệu quả công tác kế toán, góp phần quản lý ngân sách nhà nước, quản lý hồ sơ kế toán tại đơn vị đảm bảo khoa học, công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu đặt ra trong giai đoạn hiện nay.

2. Mục tiêu của đề tài, sáng kiến

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và phân tích thực trạng, hiệu quả của sáng kiến, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kế toán tại Trường Tiểu học TTNC Bò và Đồng Cỏ Ba Vì, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

3. Thời gian, đối tượng, phạm vi yêu cầu

Thời gian thực hiện sáng kiến từ tháng 9 năm 2023 đến nay.

Đối tượng, phạm vi yêu cầu: Sáng kiến đã và đang được thực hiện, áp dụng tại Trường Tiểu học TTNC Bò và Đồng Cỏ Ba Vì, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội và cũng có thể được áp dụng tại các cơ quan, đơn vị, trường học ở các địa phương khác trong cả nước.

II. Nội dung sáng kiến

1. Hiện trạng vấn đề

Tình hình mưa bão, dịch Covid, thiên tai, hạn hán diễn ra phức tạp ở khắp nơi đã tác động nhiều đến kinh tế, xã hội và công tác quản lý ngân sách, công tác kế toán tại các trường học.

Một số cơ quan, đơn vị công tác kế toán, thu chi tài chính còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Hồ sơ chứng từ tài chính chưa sắp xếp khoa học, khi kiểm soát chứng từ, tra cứu, báo cáo mất nhiều thời gian, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Về nguồn tài chính, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP trước đây quy định nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) theo hướng tổng hợp chung tất cả các nguồn lực, chưa có sự tách bạch rõ nguồn thu từ hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị do Nhà nước giao và các hoạt động kinh doanh dịch vụ.

Nghị định số 16/2015/NĐ-CP chưa quy định cụ thể các hình thức liên doanh liên kết và việc phân phối kết quả chênh lệch thu chi từ hoạt động liên doanh liên kết của đơn vị SNCL.

Từ những hạn chế nêu trên, nhiệm vụ đặt ra, nêu cao trách nhiệm của Ban giám hiệu trong công tác quản lý, hướng dẫn, quán triệt các bộ phận chuyên môn, Văn phòng xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách, hoàn thiện cơ chế tài chính; nâng cao hiệu quả công tác kế toán, thực hiện hiệu quả tự chủ tài chính theo Nghị định 60, Thông tư 56, xây dựng Đề án vị trí việc làm, Phương án tự chủ, Quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định mới nhất, tiếp tục tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao thu nhập tăng thêm cho cán bộ, viên chức, giáo viên, người lao động phù hợp với tình hình thực tế đơn vị, địa phương. Đó là nội dung quan trọng của sáng kiến đề xuất, triển khai hoàn thiện cơ chế tài chính, thực hiện tự chủ tài chính đạt hiệu quả hơn trong thời gian đến.

2. Giải pháp thực hiện sáng kiến để giải quyết vấn đề :

2.3.1. Giải pháp 1. Thực hiện lập kế hoạch thu và thiết kế các biểu mẫu mới tổng hợp trong công tác kế toán.

Từ thực tiễn nhiệm vụ được giao, bằng những kinh nghiệm trong chuyên môn, ứng dụng các giải pháp cụ thể trong thực tiễn, đã thực hiện lập kế hoạch thu và thiết kế một số biểu mẫu liên quan đến công tác kế toán như sau:

1. Lập kế hoạch thu

*** Các khoản thu hộ**

a, Bảo hiểm y tế: Thu theo hướng dẫn của BHXH: Thu theo công văn số 214/

BHXH ngày 18 tháng 8 năm 2023 của BHXH Ba vì v/v hướng dẫn bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2023-2024.

Mức thu: 56.700đ / tháng/ 1HS

15 tháng: 850.500 đ

14 tháng: 793.800 đ

13 tháng : 737.100 đ

12 tháng : 680.400 đ

Dự kiến thu : 395.000.000. Mức thu đạt 100% số HS của trường tham gia BHYT

b, Quỹ đội:

- Dự kiến chi: 8.491.500 đ

+ Nộp 15 % quỹ đội về huyện đoàn: 1.273.000 đ

+ Mua tài liệu đội: 1.000.000 đ

+ Thưởng HS các đợt thi: 3.900.000 đ

+ Pho to tài liệu đội: 850.000 đ

+ Đại hội liên đội: 1.479.000 đ

- Dự kiến Thu 8.491.500 (Thu theo qui định: 13.500 đ/ HS /năm học x 629 em = 8.491.500 đ).

*** Các khoản thu thỏa thuận:**

Căn cứ Quyết định số 51/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành quy định về thu, sử dụng các khoản thu khác trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội;

Căn cứ CV số 3198/SGDĐT-KHTC ngày 31/8/2023 V/v tăng cường công tác quản lý thu chi năm học 2023-2024

a/ Tiền học 2 buổi / ngày:

+ Dự kiến chi:

- Chi cho giáo viên trực tiếp giảng dạy: 396.270.000 = 70%

- Chi bồi dưỡng quản lý, nhân viên: 113.220.000 đ = 20%

- Chi Tăng cường cơ sở vật chất, VPP, điện nước: 56.610.000 đ = 10%

- Tổng dự kiến chi: **566.100.000đ**

+ Dự kiến thu: 629 HS x 100.000đ/ tháng x 9 tháng = **566.100.000đ**

b/ Quỹ chăm sóc bán trú:

- Dự kiến chi:

Chi cho người trực tiếp CSBT: 356.400.000 = 80%

+ Chi giáo viên trực: $(2.200.000\text{đ} / \text{tháng} \times 18 \text{ người}) \times 9 \text{ tháng} = 356.400.000\text{đ}$

- Chi công tác quản lý (bao gồm: Hiệu trưởng, hiệu phó, kế toán, thủ quỹ - y tế, thanh tra,): $89.100.000\text{đ} = 20\%$.

Tổng dự chi: $445.500.000\text{đ}$

- Dự kiến thu: $550 \text{ HS} \times 90.000\text{đ} / \text{tháng} \times 9 \text{ tháng} = 445.500.000\text{đ}$

c/ Trang thiết bị bán trú: $55.000.000$

- Dự chi

+ Mua bổ sung chăn, chiếu, gối, khăn mặt, đệm vải...: $34.000.000\text{đ}$

+ Mua bổ sung Xoong chia con, nồi, dao, thớt...: $21.500.000\text{đ}$

- Dự thu: $550 \text{ HS} \times 100.000\text{đ} / \text{năm học} = 55.000.000\text{đ}$

d/ Tiền nước uống : $56.700.000\text{đ}$

+ Mức chi: Mua nước tinh khiết nhãn hiệu AVILAR. Theo số lượng bình thực tế dự kiến $2.830,5 \text{ bình} \times 20.000\text{đ} = 56.610.000\text{đ}$

+ Mức thu $629 \text{ HS} \times 10.000\text{đ} / \text{tháng} \times 9 \text{ tháng} = 56.610.000\text{đ}$

2. Biểu mẫu

Bảng 1. Phân tích các khoản thu của các khối lớp

Căn cứ vào biểu phân tích này GVCN lớp cũng như Hiệu trưởng đều nắm bắt được các nguồn thu và phân bổ các khoản chi.

Trường Tiểu học TTNC Bò và Đồng Cỏ Ba Vì

TỔNG HỢP KHOẢN THU CỦA TỪNG HỌC SINH

Học kỳ I Năm học 2023-2024

ĐVT: VNĐ

T T	Nội dung thu/ Mức thu						Thành tiền
	BHYT	Tiền học 2 buổi/ ngày	Tiền CSBT	Tiền Trang TBBT	Tiền nước uống	Tiền Quỹ đội	
1	680.400	400.000	360.000	100.000	40.000	13.500	1.593.900

Tổng tiền: Một triệu năm trăm chín mươi ba nghìn chín trăm đồng./.

Người thu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ban giám hiệu

(Ký tên, đóng dấu)

Bảng 2. Bảng tổng hợp các khoản thu

Căn cứ vào các số liệu trong bảng tổng hợp, Hiệu trưởng có thể nắm bắt được cụ thể tổng số học sinh của các lớp đã đóng theo từng nguồn và số tiền tổng thu cả trường trong kỳ. Bảng tổng hợp các khoản thu thể hiện các lớp đã thu, số học sinh nộp.

Trường Tiểu học TTNC Bò và Đồng Cỏ Ba Vì

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC KHOẢN THU
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024**

ĐVT: triệu VNĐ

TT	Số Lớp	Số hs	Nội dung thu						Ghi chú
			BHYT	Tiền học 2 buổi/ ngày	Tiền CSBT	Tiền Trang TBBT	Tiền Nước	Tiền Quỹ đội	
1	18	629	385	252	198	55	25,2	8,4	

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Bảng 3. Báo cáo tài chính

Mẫu báo cáo tài chính thể hiện số tiền tồn đầu kỳ, phát sinh tăng trong kỳ (thu), phát sinh giảm trong kỳ (chi), tồn cuối kỳ (còn lại) của từng nguồn thu là bao nhiêu tiền. Đây là biểu báo cáo tổng hợp thể hiện con số tổng thu – tổng chi và tồn quỹ của đơn vị.

Trường Tiểu học TTNC Bò và Đồng Cỏ Ba Vì

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÁC KHOẢN THU
Học Kỳ I năm học 2023-2024**

ĐVT:triệu VNĐ

TT	Diễn giải nội dung thu chi	Tài chính kỳ kế toán			
		Tồn đầu kỳ	Thu	Chi	Tồn cuối kỳ
1	BHYT	0	375	375	0
2	Tiền học 2 buổi/ ngày	0	252	252	0
3	Tiền CSBT	0	198	198	0
4	Tiền Trang TBBT	0	55	55	0
5	Tiền Nước	0	25,2	25,2	0
6	Tiền Quỹ đội	0	8,4	4,3	4,1

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Việc thực hiện mẫu hóa các biểu mẫu của **Bảng 1, Bảng 2, Bảng 3** (Tổng hợp các khoản thu của từng học sinh ; Bảng tổng hợp các khoản thu theo kỳ ; Bảng báo cáo tài chính) chứng từ kế toán trong nhà trường thể hiện một cách khoa học đã giúp cho cán bộ, viên chức, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh; tiếp cận các nội dung quản lý hồ sơ dễ hiểu, rõ hơn về các khoản thu chi theo quy định, thu theo thỏa thuận, các khoản thu hộ trong nhà trường và thuận tiện cho công tác kiểm tra, kiểm soát chứng từ, đối chiếu hồ sơ của đơn vị, ngành và các cấp chính quyền địa phương.

2.3.2. Giải pháp 2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán

Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán, nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính bằng hệ thống phần mềm điện tử, xây dựng cơ sở dữ liệu trong ngành giáo dục tại đơn vị, góp phần xây dựng chính quyền điện tử, Chính phủ điện tử trong công tác tuyển dụng, tuyển sinh, dịch vụ công tại các địa phương.

Xây dựng môi trường làm việc điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong hoạt động chuyên môn nói chung và quản lý tài chính của công tác kế toán tại nhà trường nói riêng.

Nâng cao tinh thần trách nhiệm, kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm điện tử tài chính kế toán của các Tổ chuyên môn, bộ phận văn phòng, kế toán trong việc tham mưu Hiệu trưởng quản lý tài chính của công tác kế toán tại đơn vị đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong giai đoạn hiện nay.

Ưu tiên triển khai dịch vụ công trực tuyến về tuyển dụng lao động, tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh mức độ 3, mức độ 4; tiếp tục sử dụng có hiệu quả hệ thống quản lý hành chính điện tử (e-office), liên thông trao đổi văn bản điện tử giữa các Tổ chuyên môn, phòng, ban; Triển khai hiệu quả hệ thống hội nghị trực tuyến phục vụ kết nối giữa Trường Tiểu học TTNC Bò và ĐC Ba Vì với UBND huyện và Phòng GD&ĐT huyện Ba Vì; tiếp tục sử dụng hiệu quả hệ thống họp qua mạng do Tập đoàn Viettel và VNTP đồng hành tài trợ; đẩy mạnh hình thức họp trực tuyến với các Tổ chuyên môn, phòng, bộ phận kế toán, văn phòng trong đơn vị.

Đồng thời quán triệt, phổ biến, hướng dẫn các Tổ chuyên môn, bộ phận kế toán, thiết bị trường học, thường xuyên nghiên cứu, đề xuất áp dụng mô hình ứng dụng CNTT trong quản lý tài chính của công tác kế toán tại đơn vị theo hướng dẫn của cấp trên và địa phương. Định kỳ hàng quý, năm báo cáo ngành giáo dục,

chính quyền địa phương các cấp về tình hình tổ chức thực hiện việc triển khai mô hình ứng dụng CNTT trong quản lý tài chính, kế toán, lồng ghép trong báo cáo tổng kết năm về ứng dụng CNTT.

2.3.3. Giải pháp 3. Phối hợp với ngành giáo dục, chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách thủ tục hành chính trong quản lý tài chính của công tác kế toán

Trước bối cảnh dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, để đảm bảo đồng thời 2 mục tiêu vừa quản lý ngân sách của đơn vị, vừa phòng chống dịch hiệu quả thì một trong những giải pháp phù hợp nhất hiện nay là ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài chính. Trong giai đoạn này, sự ủng hộ các chủ trương, giải pháp quản lý tài chính bằng phần mềm của nhà trường tăng thêm sức mạnh cho thầy, trò vượt qua khó khăn, thực hiện thành công nhiệm vụ chuyên môn, nâng cao chất lượng quản lý tài chính của công tác kế toán. Chính vì vậy, Phòng giáo dục huyện yêu cầu các đơn vị, các cơ sở y tế tập trung làm tốt công tác truyền thông, xây dựng cơ sở dữ liệu ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục nói chung và quản lý tài chính của công tác kế toán tại đơn vị.

Theo đó, các Tổ chuyên môn đã phối hợp với Văn phòng, bộ phận kế toán, Ban chấp hành Công đoàn quán triệt đầy đủ nội dung Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025; Quyết định số 4098/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND thành phố Hà Nội Phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Nội dung quan trọng của Quyết định này là thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế.

Tuỳ điều kiện cụ thể của đơn vị trong từng giai đoạn, Hiệu trưởng chủ động, linh hoạt sử dụng nhiều giải pháp, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý tài chính (trực tuyến, trực tuyến kết hợp với trực tiếp, hay các giải pháp khác như kiểm tra chứng từ, dự toán ngân sách, báo cáo tài chính qua zalo, messenger...) để hoàn thành nhiệm vụ được giao về hoạt động giáo dục đào tạo bậc Tiểu học và quản lý tài chính của công tác kế toán tại đơn vị.

Tiếp tục áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và đề xuất Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện chuyển

đổi tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 sang TCVN ISO 9001:2015 tại Trường Tiểu học, trong đó có ứng dụng công nghệ thông tin quản lý tài chính của công tác kế toán.

Ban giám hiệu phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn thường xuyên động viên, khuyến khích các Tổ chuyên môn, các phòng, bộ phận kế toán, văn phòng trong đơn vị tận tâm, tận lực, tận tụy, tâm huyết, trách nhiệm, chủ động, sáng tạo trong việc ứng dụng CNTT trong tuyển dụng, tuyển sinh trực tuyến, trong quản lý tài chính. Kịp thời động viên, khích lệ, có cơ chế thúc đẩy cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường sáng tạo trong ứng dụng CNTT trong quản lý tài chính; chuẩn bị các điều kiện, tổ chức các hoạt động chuyên môn, giáo dục ngoại khóa chất lượng, hiệu quả cao. Qua đó nâng cao chất lượng quản lý tài chính của công tác kế toán tại đơn vị.

Thực hiện rà soát thực trạng các phần mềm ứng dụng CNTT trong quản lý tài chính, cấp độ truyền tải, cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ công tác chuyên môn, phục vụ cho mọi CBVC, giáo viên để có kế hoạch mua sắm, sửa chữa, bổ sung kinh phí hoạt động, quản lý sử dụng tài sản công. Yêu cầu các đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông, ứng dụng công nghệ thông tin cam kết đảm bảo đường truyền thông suốt trong quá trình quản lý tài chính của công tác kế toán, tổ chức tuyển dụng, tuyển sinh trực tuyến. Báo cáo về Phòng GD&ĐT và các cơ quan cấp trên (theo quy định phân cấp) các khó khăn, vướng mắc để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời trong quá trình triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin.

2.3.4. Giải pháp 4. Đề xuất chính quyền địa phương quan tâm bổ sung kinh phí để thực hiện đầu tư CNTT trong quản lý tài chính kế toán, mua sắm trang thiết bị phục vụ chuyên môn.

Kinh phí phân bổ ngân sách năm 2023: 6.897.606.000 trong đó chi hoạt động thường xuyên là 1.040.985.000 đ, quỹ lương ngân sách cấp 5.856.621.000

Nguồn thu phí, thu khác 1.415.000

Trên cơ sở đó tham mưu ngành giáo dục và chính quyền địa phương các cấp tăng cường công tác truyền thông để toàn thể viên chức, giáo viên, các tổ chuyên môn, bộ phận kế toán ủng hộ các chủ trương, giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài chính kế toán hiện nay.

Hướng dẫn các Tổ chuyên môn, phòng, bộ phận kế toán các quy trình thực hiện thanh toán, lưu trữ, quản lý hồ sơ kế toán trong phần mềm kế toán một cách linh hoạt, sáng tạo phù hợp với điều kiện cụ thể của đơn vị, đảm bảo quy định về nguyên tắc tài chính kế toán và thống kê cụ thể danh sách các phần mềm thanh toán chính sách tiền lương, hoạt động chuyên môn, quản lý thu chi trong

công tác giám định...để từ đó đề xuất ngành giáo dục, chính quyền địa phương các cấp có phương án hỗ trợ phù hợp trong ứng dụng công nghệ thông tin quản lý tài chính, hoạt động chuyên môn...

Bố trí cán bộ có trình độ, năng lực trong việc ứng dụng quản lý CNTT, kinh nghiệm tuyển dụng, tuyển sinh trực tuyến hỗ trợ các phòng, bộ phận chuyên môn, bộ phận kế toán gặp khó khăn khi triển khai thực hiện trực tuyến trên hệ thống điện tử. Báo cáo Ban chỉ đạo phòng, chống dịch cấp tỉnh phương án vừa tổ chức hoạt động giáo dục, vừa đảm bảo công tác phòng chống dịch Covid 19, không chể và ngăn ngừa dịch Covid 19 bùng phát trở lại.

Trên cơ sở ngân sách được phân bổ, bộ phận kế toán phối hợp với các Tổ chuyên môn, các phòng, bộ phận Văn phòng, bộ phận thiết bị văn phòng tham mưu Ban giám hiệu dự toán ngân sách, kiện toàn hệ thống CNTT hiện đại, thực hiện mua sắm trang thiết bị triển khai các biện pháp phòng chống dịch Covid, thiết bị, phần mềm, ứng dụng CNTT quản lý tài chính của công tác kế toán hiệu quả tại đơn vị.

*** Tính mới, sáng tạo**

Đề xuất các cấp chính quyền, ngành giáo dục xây dựng cơ chế chính sách, nâng cao hiệu quả công tác kế toán ở các trường học Tiểu học trên địa bàn huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Phân tích những hạn chế tồn tại, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kế toán, Trường Tiểu học TTNC Bò và Đồng Cỏ Ba Vì, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Phát huy vai trò của Bộ phận kế toán và các Tổ chuyên môn liên quan tham mưu Ban giám hiệu, Hiệu trưởng quản lý công tác kế toán công khai minh bạch, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách tại đơn vị.

3. Kết quả sau khi áp dụng giải pháp sáng kiến tại đơn vị

3.1. Đảm bảo nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính công

Trong những năm qua, toàn bộ tài sản công, tài chính công do Nhà nước đầu tư, phân bổ cho nhà trường đã được quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, được thống kê, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị, những tài sản có nguy cơ chịu rủi ro cao do thiên tai, hoả hoạn và nguyên nhân bất khả kháng khác được quản lý rủi ro về tài chính thông qua bảo hiểm hoặc công cụ khác được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Tài sản công phục vụ công tác quản lý, cung cấp dịch vụ công trong đơn vị phải được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, công năng, đối tượng, tiêu chuẩn, định mức, chế độ theo quy định.

Mọi nội dung liên quan đến tài sản, tài chính công được Ban giám hiệu nhà trường, Hội đồng nhà trường, Ban chấp hành công đoàn được thực hiện công khai, minh bạch, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng.

3.2. Nhận thức về trách nhiệm, vai trò và thực tiễn thực hiện quản lý công tác kế toán đã có nhiều chuyển biến tích cực

Từ khi áp dụng sáng kiến, công tác quản lý kế toán, tài chính công đã được các cấp, các ngành, cấp ủy, chính quyền địa phương, Ban giám hiệu nhà trường quan tâm triển khai thực hiện. Nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ viên chức, giáo viên, nhân viên và thực tiễn thực hiện có những chuyển biến tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu phòng, chống tham nhũng, lãng phí, nâng cao hiệu quả trong quản lý công tác kế toán tại Trường Tiểu học TTNC Bò và Đồng Cỏ Ba Vì.

Các cơ chế, chính sách trong quản lý kế toán đã tạo ra cơ chế phân công, phân cấp quản lý, sử dụng phù hợp trình độ phát triển kinh tế xã hội, tính chất quản lý, sử dụng tài sản, tài chính, năng lực quản lý của các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị, trường học.

Hệ thống chính sách, pháp luật về quản lý công tác kế toán tiếp tục được hoàn thiện. Pháp luật về quản lý tài chính công đã xác lập rõ đối tượng được giao quản lý, sử dụng đối với mỗi loại tài sản, tài chính công gắn với quyền và nghĩa vụ của tập thể và cá nhân, người đứng đầu của nhà trường trong quản lý, sử dụng tài sản. Cơ quan quản lý đã xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, định mức sử dụng ngân sách, tài chính đồng bộ gắn với trách nhiệm kiểm tra việc tuân thủ tiêu chuẩn định mức trong toàn bộ quá trình triển khai thực hiện; nâng cao tính công khai trong quản lý công tác kế toán; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu để từng bước nắm chắc, nắm đầy đủ hiện trạng và tình hình ngân sách phân bổ, chi tài chính...

3.3. Tăng cường phối hợp xây dựng quy trình đồng bộ giữa các Tổ chuyên môn, Bộ phận văn phòng, Bộ phận kế toán

Trên cơ sở cơ quan có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng ngân sách, tài chính và quản lý tài sản công như trụ sở làm việc, máy móc, thiết bị, điện thoại, bàn ghế, tủ đựng hồ sơ, máy photo, máy tính.... Các cấp, chính quyền, địa phương trên địa bàn huyện Ba Vì ban hành định mức sử dụng ngân sách, tài chính cho các đơn vị, trường học. Hệ thống các văn bản trên đã tạo lập hành lang pháp lý tương đối đầy đủ để quản lý hiệu quả công tác kế toán tại đơn vị. Qua đó, hàng năm, các Tổ chuyên môn, Bộ phận văn phòng Bộ phận kế toán của Trường Tiểu học TTNC Bò và Đồng Cỏ Ba Vì đã tăng cường phối hợp xây

dựng quy trình đồng bộ trong việc triển khai quản lý công tác kế toán, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

Tổ chức triển khai việc sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất, chuyển quỹ đất dôi dư để sử dụng vào mục đích khác, tạo lập nguồn thu để đầu tư trở lại nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới trụ sở làm việc, xây dựng cơ bản; tổ chức hạch toán và cập nhật thông tin về tài vào cơ sở dữ liệu.

Tiếp tục kiện toàn, xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về ngân sách, tài chính tại đơn vị làm cơ sở tham mưu cho Phòng giáo dục đào tạo, UBND huyện Ba Vì hoạch định, ban hành chính sách, chỉ đạo, điều hành về quản lý, sử dụng ngân sách, tài chính tại đơn vị nói riêng và các cơ quan, đơn vị, trường học trên địa bàn huyện nói chung.

Xây dựng bộ quy trình thống nhất, đồng bộ trong việc thực hiện mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công, công khai tài chính phù hợp với nguyên tắc tài chính, quy chế hoạt động và quy chế nội bộ của nhà trường.

3.4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài chính, kế toán

Các chứng từ liên quan đến hoạt động thực hiện mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công, tài chính công được lập đầy đủ, rõ ràng và tuân theo quy định hiện hành, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát. Báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Bộ phận Kế toán đã mở các loại sổ như sổ tài sản, sổ theo dõi công cụ dụng cụ, sổ ghi chi tiết các hoạt động, sổ theo dõi các nguồn ngân sách được phân bổ, nguồn kinh phí đã sử dụng, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ quỹ tiền gửi, sổ theo dõi mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản, tài chính công... Tất cả các loại sổ này được Kế toán nhập thông tin, ghi chép theo từng mảng công việc đã thực hiện. Nội dung chủ yếu của các loại sổ là phản ánh chi tiết hoạt động mua sắm, quản lý, sử dụng ngân sách của đơn vị, khi cần lấy số liệu chỉ cần mở sổ là có thể tiếp cận ngay số liệu. Các loại sổ này được nhập trên máy tính, sau đó kế toán in ra đóng quyển trình lãnh đạo cơ quan ký đóng dấu của đơn vị cùng với dấu giáp lai từ trang đầu đến trang cuối rồi đưa vào lưu trữ. Sau khi hết tháng hoặc hết quý sẽ sắp xếp vào hồ sơ lưu trữ và làm nhãn tên hồ sơ dán lên bìa hồ sơ để dễ theo dõi, tra cứu.

Các loại báo cáo liên quan đến công tác tài chính kế toán được bộ phận Kế toán, Thủ quỹ thực hiện báo cáo tài chính, báo cáo hàng tháng, quý, được áp dụng công nghệ thông tin để theo dõi, quản lý, kiểm tra theo quy định. Các loại báo cáo này cũng được bộ phận Kế toán tập hợp theo từng tháng, từng quý, lưu trữ lâu dài. Báo cáo tài chính được lập định kỳ theo từng quý. Qua đó giúp cho

đơn vị nắm được tình hình sử dụng ngân sách, mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản, tài chính công. Sau khi kết thúc công việc bộ phận Kế toán, Thủ quỹ tập hợp các tài liệu sắp xếp gọn gàng đúng thứ tự, sau đó đóng quyển cho vào hồ sơ lưu trữ lâu dài.

Việc lập sổ quản lý, sử dụng ngân sách, thu chi tài chính, sắp xếp hồ sơ chứng từ tài chính tại đơn vị giúp cho việc lưu trữ lâu dài thuận lợi cho việc tra cứu số liệu khi cần thiết, dễ lấy dễ tìm phục vụ thuận lợi cho công việc, nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách, đảm bảo quản lý hiệu quả công tác kế toán, thực hiện công khai, minh bạch phù hợp với tình hình tài chính tại đơn vị.

Nêu cao tinh thần trách nhiệm, kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm điện tử tài chính kế toán của các Tổ chuyên môn, bộ phận văn phòng, kế toán trong việc tham mưu Hiệu trưởng quản lý tài chính, kế toán tại đơn vị đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong giai đoạn hiện nay.

So sánh: nếu như in văn bản giấy về các nội dung như xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách, kiểm soát chứng từ, các nội dung thu chi liên quan đến công tác kế toán. (**Ví dụ 4:** giấy A4 với giá 52.000đ/1 Ram giấy, in các loại chứng từ nêu trên hết 60 Ram giấy/1 năm: $52.000 \times 60 = 3.120.000\text{đ}$; giá máy in bình quân 2.600.000đ/1 máy x 03 máy = 7.800.000đ; giá mực in bình quân 1.000.000đ/1 máy in x 3 máy in = 3.000.000đ/1 năm. Tổng cộng giấy A4, máy in, mực in = 13.920.000đ/1 năm). Thực hiện lắp đặt hệ thống phần mềm được cung cấp theo 2 dạng: offline (on-premise) và online (cloud) chỉ với chi phí từ 2.400.000đ; chi phí gói internet thông dụng hàng tháng 165.000đ/1 tháng x 12 = 1.980.000đ. Tổng cộng lắp đặt phần mềm và gói internet = 4.380.000đ; Hệ thống phần mềm được sử dụng lâu dài, tiện lợi, hiện đại, chính xác... đáp ứng yêu cầu quản lý tài chính của công tác kế toán tại nhà trường. Tiết kiệm được chi phí cho đơn vị là 9.540.000đ/1 năm.

4. Hiệu quả của sáng kiến

4.1. Hiệu quả về khoa học

Nhà trường đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ để chủ động sử dụng kinh phí được giao; Chính sách tiền lương, thưởng, và các khoản chi khác phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình tài chính của đơn vị; Các thủ tục kiểm soát trong các quy trình công tác kế toán đang áp dụng tại đơn vị đã góp phần giảm thiểu được sai sót.

Các chứng từ liên quan đến hoạt động chuyên môn, nguồn ngân sách phân bổ, các khoản chi được lập đầy đủ, rõ ràng và tuân theo quy định hiện hành, tạo

điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát. Báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Tăng cường sự phối hợp giữa Ban giám hiệu với chính quyền địa phương các cấp trong việc nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách và triển khai thực hiện tự chủ tài chính theo Nghị định 60 tại cơ quan.

Nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách và công khai minh bạch thu chi tài chính tại đơn vị.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi cán bộ, nhân viên kế toán trong việc thực hiện phần mềm quản lý tài chính, kiểm soát chứng từ gốc, quản lý hồ sơ tài chính kế toán tại đơn vị, xem đây là nhiệm vụ quan trọng đảm bảo hoạt động chuyên môn và nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách, kiểm soát chặt chẽ thu chi tài chính, quản lý hồ sơ kế toán điện tử trong đơn vị.

4.2. Hiệu quả về kinh tế

Trên cơ sở cơ quan có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng ngân sách, thu chi tài chính.

Tiếp cận, sử dụng phần mềm theo dõi tài chính, kế toán, hỗ trợ cập nhật tình trạng ngân sách tài chính một cách chính xác và minh bạch nhất; loại bỏ những sai sót và tiêu cực của hình thức quản lý theo phương pháp truyền thống, giúp đơn vị kiểm soát ngân sách, tài chính được tốt hơn; đảm bảo không có sự trùng lặp dữ liệu nào xảy ra, nâng cao hiệu quả lý ngân sách, tài chính kế toán tại nhà trường.

Ban giám hiệu nhà trường thường xuyên thực hiện họp bàn những nội dung, yêu cầu, kế hoạch mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công, tài chính công, nêu thảo luận cho tập thể cơ quan thống nhất ý kiến sau đó thông qua để các cán bộ, viên chức, giáo viên, nhân viên được biết kế hoạch và các mục tiêu mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công, công bố nguồn ngân sách được phân bổ, các khoản chi hàng năm đảm bảo công khai, minh bạch.

Triển khai hệ thống thông tin bằng số liệu tài liệu giấy, dữ liệu điện tử để quản lý và kiểm soát nguồn kinh phí, tình hình sử dụng, quyết toán kinh phí, tình hình quản lý và sử dụng các loại vật tư, tài sản công; tình hình chấp hành dự toán thu, chi và thực hiện các tiêu chuẩn, định mức thu, chi tại đơn vị. Các bộ phận chuyên môn về Kế toán, Thủ quỹ, Văn phòng đã đáp ứng nghiệp vụ cơ bản thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Cải cách thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian, chi phí, kinh phí trong hoạt động quản lý tài chính của công tác kế toán các đơn vị, cơ sở giáo dục.

4.3. Hiệu quả về xã hội

Tạo được sự đồng thuận của các cấp, các ngành, chính quyền địa phương và mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn.

Nâng cao tinh thần phối hợp, trách nhiệm của đội ngũ viên chức, giáo viên, bộ phận Kế toán, Thủ quỹ, quản trị văn phòng triển khai thực hiện đồng bộ quy trình công tác kế toán tài chính phù hợp với nguyên tắc tài chính, quy chế hoạt động và quy chế nội bộ trong đơn vị.

Kịp thời đề xuất cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện chính sách, cơ chế phối hợp trong việc kiểm tra, theo dõi thực hiện công tác kế toán, sử dụng ngân sách và nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách tại đơn vị.

Mọi điều hành, quản lý ngân sách, thu chi tài chính trong công tác kế toán tại đơn vị đều được thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý. Chỉ thực hiện in văn bản giấy, lưu hành văn bản giấy ở những trường hợp cần thiết như văn bản niêm yết công khai thu nhập tăng thêm, quy trình thủ tục hành chính về thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, phương án tự chủ tài chính.

Nâng cao thu nhập tăng thêm cho đội ngũ cán bộ, viên chức, giáo viên trong đơn vị.

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính bằng hệ thống phần mềm điện tử, xây dựng cơ sở dữ liệu trong ngành giáo dục tại đơn vị, góp phần xây dựng chính quyền điện tử, Chính phủ điện tử trong công tác tuyển dụng, tuyển sinh, dịch vụ công tại các địa phương.

Xây dựng môi trường làm việc điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong hoạt động chuyên môn nói chung và quản lý tài chính của công tác kế toán tại nhà trường nói riêng.

Nêu cao tinh thần trách nhiệm, kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm điện tử tài chính kế toán của các Tổ chuyên môn, bộ phận văn phòng, kế toán trong việc tham mưu Hiệu trưởng quản lý tài chính của công tác kế toán tại đơn vị đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong giai đoạn hiện nay.

5. Tính khả thi (khả năng áp dụng vào thực tiễn công tác của đơn vị, địa phương)

Được các cấp chính quyền quan tâm xem xét, quyết định công nhận sáng kiến để có đủ cơ sở áp dụng trong thực tiễn.

Tạo được sự thống nhất, đoàn kết nội bộ trong nhà trường và các cơ quan chuyên môn liên quan trong việc thực hiện các thủ tục hành chính, hoạt động giáo dục đào tạo, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học, thực hiện quản lý hiệu quả công tác kế toán tại Trường Tiểu học TTNC Bò và Đồng Có Ba Vì

Các Tổ chuyên môn, văn phòng, kế toán thường xuyên được bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, nâng cao tinh thần trách nhiệm, thực thi công vụ, thường xuyên tiếp cận những văn bản pháp luật mới, tham mưu áp dụng phù hợp với tình hình thực tế tại nhà trường để thực hiện quản lý công tác kế toán đảm bảo tiết kiệm hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

Các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý công tác kế toán đang được triển khai tại nhà trường và đã được nhiều cơ quan, ban ngành, đơn vị, trường học đang triển khai áp dụng rộng rãi trên địa bàn huyện Ba Vì và có thể ứng dụng tại các cơ quan, đơn vị, trường học và các địa phương khác trong cả nước.

6. Thời gian thực hiện đề tài, sáng kiến

Áp dụng triển khai, thực hiện các giải pháp sáng kiến từ tháng 9 năm 2023 đến nay.

7. Kinh phí thực hiện đề tài, sáng kiến

Các giải pháp được triển khai trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, bộ phận kế toán tham mưu Hiệu trưởng quản lý tài chính, ngân sách theo dự toán phân bổ ngân sách và kế hoạch giáo dục đào tạo hàng năm.

III. Kiến nghị, đề xuất

1. Đối với địa phương

Đề nghị Huyện ủy, HĐND, UBND tăng cường công tác lãnh đạo đối với việc công tác quản lý tài chính, ngân sách trên địa bàn huyện.

Các cấp, các ngành, địa phương quan tâm bổ sung kinh phí đầu tư công nghệ thông tin, phần mềm kế toán, xây dựng cơ sở dữ liệu trong trường học.

Sở KH-CNTTTT cần xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn cho các CBCCVC trong việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong công tác kế toán.

Các cấp chính quyền, ngành giáo dục tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông, động viên kịp thời những gương điển hình tốt trong bảo vệ, quản lý, sử dụng ngân sách, tài chính kế toán.

2. Đối với nhà trường

Hiệu trưởng thường xuyên theo dõi, đôn đốc thực hiện hiệu quả kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả quản lý tài chính của công tác kế toán tại nhà trường.

Đề nghị Hội đồng nhà trường, Ban chấp hành công đoàn, Ban đại diện cha mẹ học sinh, các Tổ chuyên môn, các bộ phận liên quan tích cực tham gia giám sát công tác quản lý, sử dụng tài sản, tài chính công; tham gia phát hiện và góp ý, phê phán những hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản, tài chính công.

Ban giám hiệu chủ động phối hợp với Phòng GD&ĐT, Phòng Tài chính rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản, tài chính công do UBND huyện, tỉnh ban hành để sửa đổi, ban hành phù hợp.

Các bộ phận chuyên môn, kế toán tăng cường phối hợp, trao đổi nghiệp vụ, xây dựng kế hoạch, đề xuất các giải pháp thực hiện tốt công tác kế toán.

3. Đối với bản thân

Thường xuyên nghiên cứu, học hỏi, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, tiếp cận tốt các văn bản pháp luật, áp dụng vào thực tiễn.

Trong năm học vừa qua theo sự phân công của BGH nhà trường tôi đã tham gia cuộc thi CNTT do Phòng GD&ĐT Huyện ba Vì tổ chức và đã đạt được thành tích, kết quả trên giúp tôi có nhiều kiến thức về CNTT áp dụng vào công tác kế toán ở trường Tiểu học TTNC Bò và Đồng Cỏ Ba Vì.

Đề xuất cơ quan cấp trên, cơ quan chuyên môn về quản lý sử dụng dịch vụ công, phần mềm kế toán, ứng dụng công tác kế toán trong thời gian tới. Hàng năm Phòng GD, Phòng Tài chính tổ chức nhiều cuộc thi, chuyên đề, hội thảo để chúng tôi được tiếp cận học hỏi nâng cao chuyên môn áp dụng vào thực tế tại trường.

Phối hợp với các Tổ chuyên môn thực hiện rà soát, kê khai, lập phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở vật chất, nhà, đất, hoàn thiện quy trình thực hiện mua sắm, quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo khoa học.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

Ba Vì, ngày 10 tháng 5 năm 2024

Người viết sáng kiến

Lê Thị Phúc

MỘT SỐ HÌNH ẢNH MINH CHỨNG



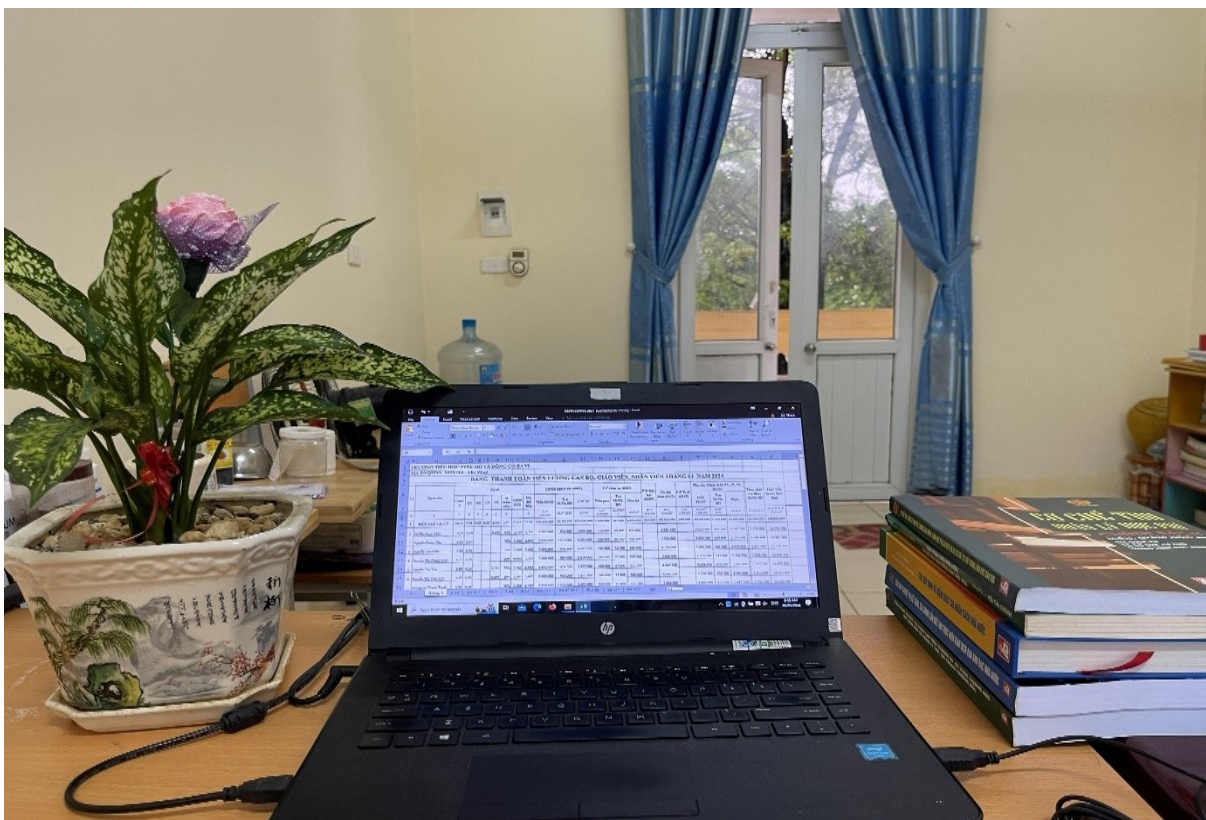
Tài liệu nghiên cứu chế độ chính sách



Toàn trường học tập CNTT



Kế toán tiếp cận CNTT



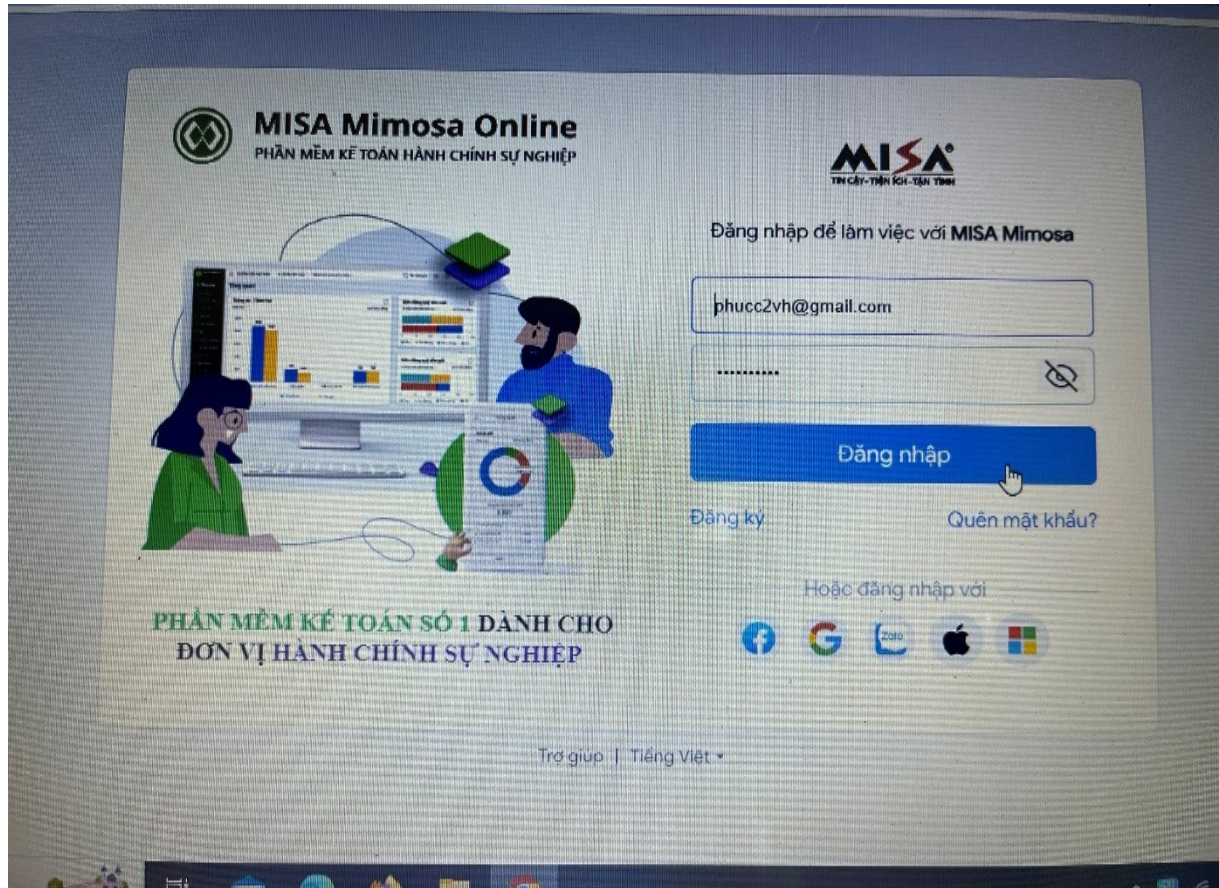
Áp dụng CNTT vào chuyên môn



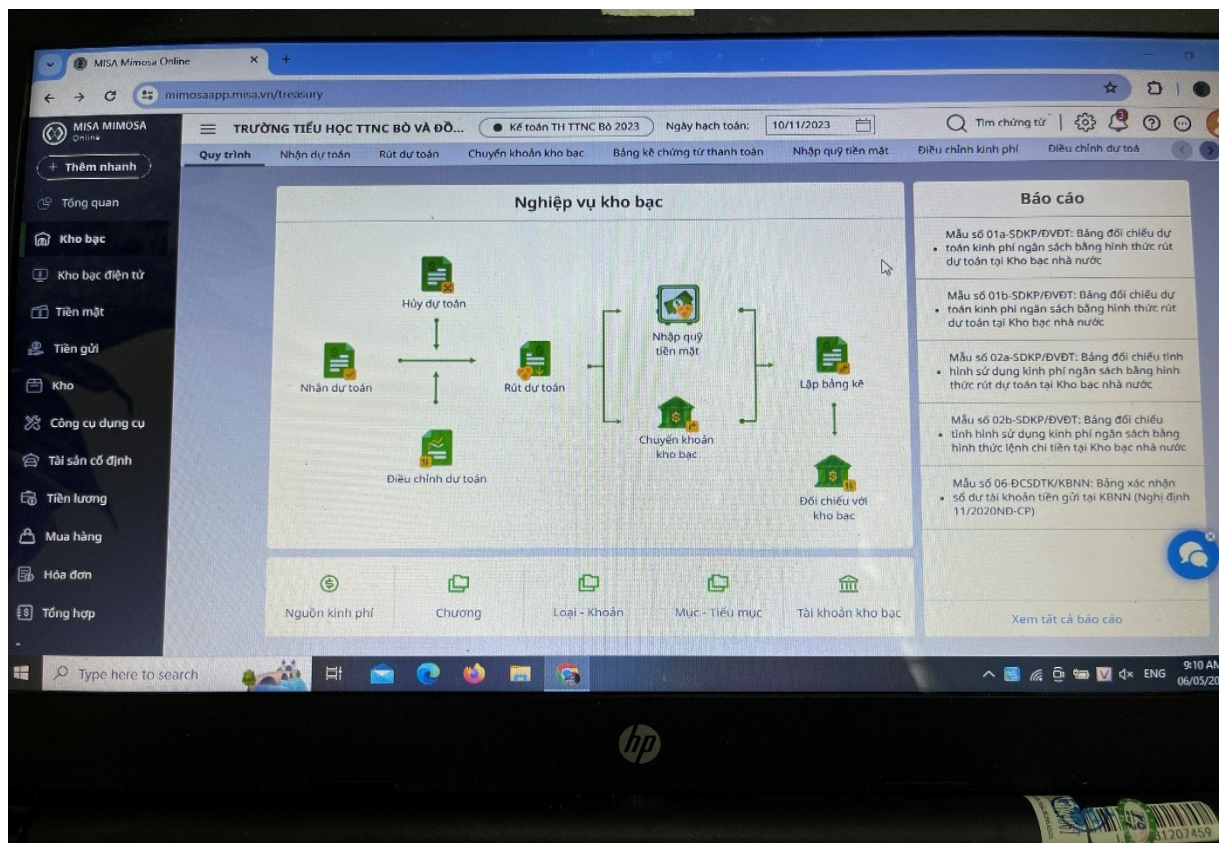
Tập hợp chứng từ kế toán



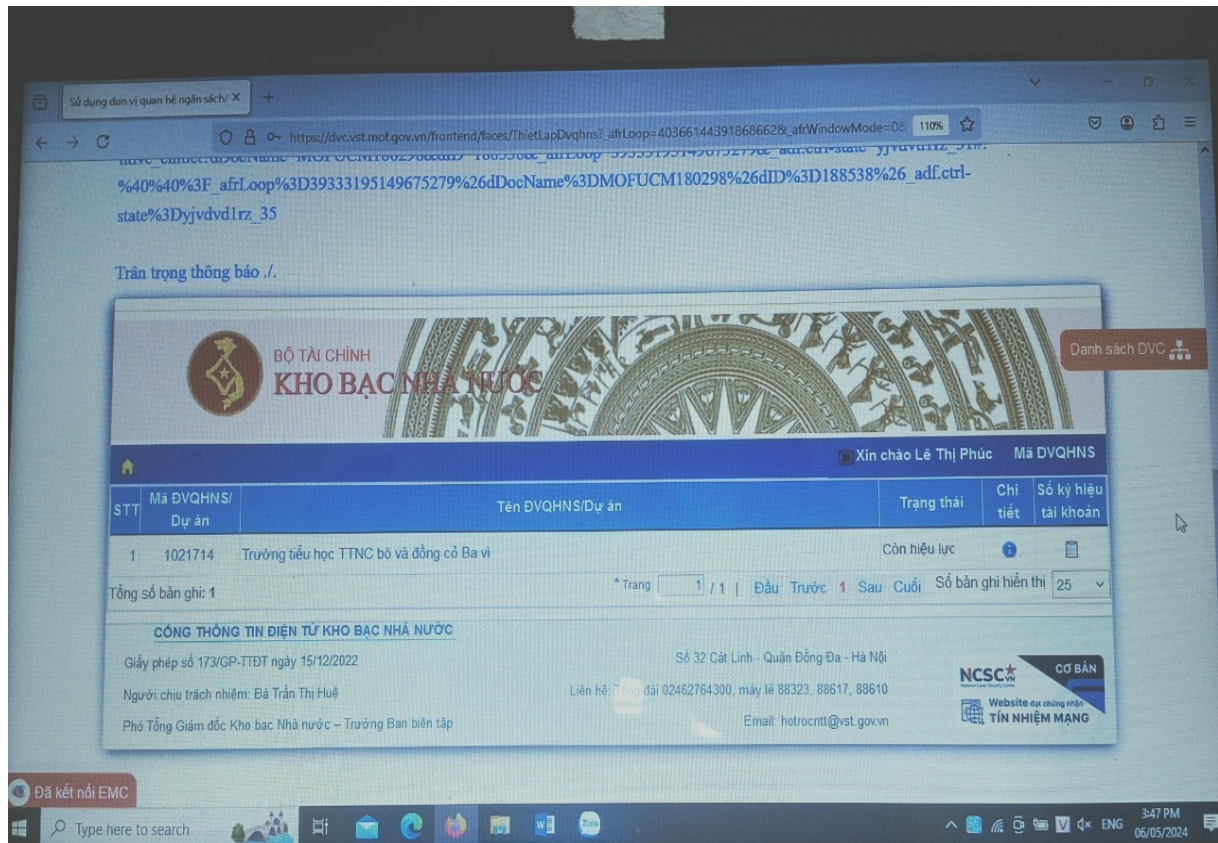
Sắp xếp và lưu trữ hồ sơ



Áp dụng phần mềm vào công việc



Giao diện phần mềm MiSa của nhà trường



Thực hiện giao dịch trên cổng dịch vụ công

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Kính gửi: - Hội đồng khoa học Trường Tiểu học TTNC Bò & Đồng Cỏ Ba Vì
- Hội đồng khoa học Phòng GD&ĐT huyện Ba Vì
- Hội đồng khoa học UBND huyện Ba Vì

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tên sáng kiến
01	Lê Thị Phúc	19/11/1974	Trường Tiểu học TTNC Bò và Đồng Cỏ Ba Vì, huyện Ba Vì	Kế toán	Đại học	Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kế toán tại Trường Tiểu học TTNC Bò và Đồng Cỏ Ba Vì huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

- Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: Lĩnh vực khác
- Tên sáng kiến đề nghị công nhận: ***Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kế toán tại Trường Tiểu học TTNC Bò và Đồng Cỏ Ba Vì, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội***
- Sáng kiến được áp dụng lần đầu từ ngày 01/9/2023 đến nay tại Trường Tiểu học TTNC Bò và Đồng Cỏ Ba Vì, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.
- *Mô tả bản chất của sáng kiến:**
 - Thực hiện thiết kế các biểu mẫu mới tổng hợp trong công tác kế toán
 - Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán
 - Phối hợp với ngành giáo dục, chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách thủ tục hành chính trong quản lý tài chính của công tác kế toán

- Đề xuất chính quyền địa phương quan tâm bổ sung kinh phí để thực hiện đầu tư CNTT trong quản lý tài chính kế toán, mua sắm trang thiết bị phục vụ chuyên môn.

*** Kết quả sau khi áp dụng giải pháp sáng kiến tại đơn vị**

- Đảm bảo nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính công
- Nhận thức về trách nhiệm, vai trò và thực tiễn thực hiện quản lý công tác kế toán đã có nhiều chuyển biến tích cực
- Tăng cường phối hợp xây dựng quy trình đồng bộ giữa các Tổ chuyên môn, Bộ phận văn phòng, Bộ phận kế toán
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài chính, kế toán
- Danh sách những người đã tham gia áp dụng thử hoặc áp dụng sáng kiến lần đầu:

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Nội dung công việc hỗ trợ
1	Lê Thị Phúc	19/11/1974	Trường TH TTNC Bò và Đồng Cỏ Ba Vì	NV KT	ĐH	
2	Đỗ Thị Luận	12/8/1985	Trường THCS TTNC Bò và Đồng Cỏ Ba Vì	NV KT	ĐH	
3	Phùng Thị Diễm Quỳnh	26/2/1988	Trường Tiểu học Ba Trại B	NV KT	ĐH	

Tôi xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ba Vì, ngày 10 tháng 5 năm 2024
Người yêu cầu

Lê Thị Phúc

TRƯỜNG TIỂU HỌC TTNC
BÒ VÀ ĐỒNG CỎ BA VÌ
HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

- Họ tên tác giả: Lê Thị Phúc
- Tên đề tài: Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kế toán tại Trường Tiểu học TTNC Bò và Đồng Cỏ Ba Vì huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
- Lĩnh vực: khác

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Điểm đạt
1	Sáng kiến có tính mới		
1.1	Hoàn toàn mới, được áp dụng đầu tiên	30	
1.2	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ khá	20	
1.3	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ trung bình	10	
1.4	Không có tính mới hoặc sao chép từ các giải pháp đã có trước đây	0	
	<u>Nhận xét:</u>		
2	Sáng kiến có tính áp dụng		
2.1	Có khả năng áp dụng trong phạm vi toàn ngành hoặc rộng hơn	30	
2.2	Có khả năng áp dụng trong đơn vị và có thể nhân ra một số đơn vị có cùng điều kiện	20	
2.3	Có khả năng áp dụng trong đơn vị	10	
2.4	Không có khả năng áp dụng trong đơn vị	0	
	<u>Nhận xét:</u>		
3	Sáng kiến có tính hiệu quả		
3.1	Có hiệu quả, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội, có tính lan tỏa	30	
3.2	Có hiệu quả, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội	20	
3.3	Có hiệu quả, lợi ích phù hợp với mức độ phù hợp tại đơn vị	10	
3.4	Không có hiệu quả cụ thể	0	
	<u>Nhận xét:</u>		
4	Diễn trình bày		
4.1	Trình bày khoa học, hợp lý	10	
4.2	Trình bày chưa khoa học, chưa hợp lý	5	
	<u>Nhận xét:</u>		
Tổng cộng:		Đánh giá:	☐ Đạt ☐ Không đạt

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN CƠ SỞ

MỤC LỤC

I. Đặt vấn đề

1. Tính cấp thiết phải tiến hành sáng kiến
2. Mục tiêu của đề tài, sáng kiến
3. Thời gian, đối tượng, phạm vi yêu cầu

II. Nội dung sáng kiến

1. Hiện trạng vấn đề

2. Giải pháp thực hiện sáng kiến để giải quyết vấn đề (Nêu rõ cách làm mới, có tính sáng tạo, hiệu quả, cách thức cụ thể triển khai thực hiện)

3. Kết quả sau khi áp dụng giải pháp sáng kiến tại đơn vị

4. Hiệu quả của sáng kiến

- 4.1. Hiệu quả về khoa học
- 4.2. Hiệu quả về kinh tế
- 4.3. Hiệu quả về xã hội

5. Tính khả thi (khả năng áp dụng vào thực tiễn công tác của đơn vị, địa phương)

6. Thời gian thực hiện đề tài, sáng kiến

7. Kinh phí thực hiện đề tài, sáng kiến

III. Kiến nghị, đề xuất